

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ**Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng
công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý**

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ quản lý như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục và trách nhiệm, quyền hạn của các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là dự án) sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Vốn ngân sách tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Thông tư này không điều chỉnh đối với các dự án ODA và các dự án lâm sinh theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 06/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Chương II**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỂN KHAI
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH****Điều 3. Chủ trương đầu tư**

1. Lập chủ trương đầu tư: Căn cứ vào quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng được phê duyệt, Vụ Kế hoạch tổng hợp đề xuất yêu cầu đầu tư của các đơn vị, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và Thứ trưởng phụ trách, trình Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư.

2. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chủ trương đầu tư.

3. Nội dung quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, gồm: Tên dự án; tên chủ đầu tư; địa điểm dự kiến xây dựng công trình; nhiệm vụ; quy mô dự án; nguồn vốn đầu tư dự án; đơn vị đầu mối thẩm định và phân công Lãnh đạo Bộ phụ trách.

Điều 4. Chủ đầu tư và tổ chức quản lý dự án

1. Chủ đầu tư dự án do Bộ trưởng quyết định khi phê duyệt chủ trương đầu tư. Một dự án có thể có một hoặc nhiều chủ đầu tư.

2. Đối với dự án có nhiều chủ đầu tư, Bộ giao cho một chủ đầu tư làm đầu mối có nhiệm vụ tổng hợp toàn bộ dự án. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trong phạm vi được giao quản lý và có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư được giao làm đầu mối trong quá trình thực hiện dự án. Trường hợp chủ đầu tư được giao làm đầu mối hoàn thành bàn giao quyết toán trước, Bộ sẽ chỉ định một đơn vị làm đầu mối trong số các chủ đầu tư còn lại.

3. Trong giai đoạn lập dự án đầu tư, chủ đầu tư được Bộ giao làm đầu mối có nhiệm vụ cung cấp hồ sơ dự án (các phương án chọn, phạm vi sử dụng đất, tiến độ thi công các hạng mục công trình) cho địa phương làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 5. Lập Dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Chủ đầu tư tổ chức lập đề cương (hoặc nhiệm vụ) cho công tác tư vấn khảo sát thiết kế giai đoạn lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của đơn vị đầu mối thẩm định trước khi phê duyệt.

2. Nội dung dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch xây dựng và quy định của Luật bảo vệ môi trường số: 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Trường hợp dự án không có trong quy hoạch ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; phải lập các phương án thiết kế và phương án công nghệ để có cơ sở lựa chọn phương án tối ưu; an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, an toàn phòng, chống lụt bão, cháy, nổ và bảo vệ môi trường; bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt theo quy định pháp luật;

c) Lập phương án và kinh phí phòng chống lụt bão cho công trình, tổng hợp vào phần chi khác trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình (nếu cần).

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật

1. Các Tổng Cục, Cục, Vụ là đơn vị đầu mối thẩm định các dự án đầu tư được Bộ trưởng giao tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

Đơn vị đầu mối thẩm định đề xuất đơn vị tư vấn thẩm tra (nếu cần) ngay trong giai đoạn lập dự án để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung dự án, trình người quyết định đầu tư quyết định, làm căn cứ để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

2. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Bộ trưởng phê duyệt dự án nhóm A, các dự án quan trọng đối với sự phát triển của ngành và phân công cho các Thứ trưởng phụ trách phê duyệt các dự án còn lại.

Điều 7. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.

Dự án đầu tư chỉ được phép điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau: bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác; xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án; khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án;

Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình của dự án thay đổi thiết kế so với thiết kế cơ sở đã phê duyệt hoặc có khối lượng phát sinh vượt tỷ lệ (%) chi phí dự phòng về khối lượng của công trình hoặc hạng mục công trình trong tổng mức đầu tư của dự án thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

2. Khi điều chỉnh dự án đầu tư chủ đầu tư phải thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư (trừ các dự án không phải thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư).

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt và thực hiện các quy định sau đây:

a) Đối với các vấn đề đã được lưu ý nêu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư, phải tổ chức báo cáo giải pháp thiết kế công trình với đơn vị đầu mối thẩm định để có ý kiến trước khi phê duyệt. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc áp dụng công nghệ mới chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư trước khi phê duyệt thiết kế;

b) Đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì dự toán công trình đồng thời là Tổng mức đầu tư. Dự toán công trình bao gồm cả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) và do người quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp cần điều chỉnh dự toán mà giá trị dự toán không vượt giá trị dự toán đã được phê duyệt thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt; trường hợp vượt giá trị dự toán hoặc điều chỉnh bản vẽ thi công làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô, địa điểm của dự án đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

2. Dự toán chi phí giai đoạn lập dự án:

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí cùng với nhiệm vụ (hoặc đề cương khảo sát thiết kế) giai đoạn lập dự án đầu tư phù hợp với chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng phê duyệt và theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ và dự toán chi phí này là cơ sở để chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Luật Đấu thầu;

Trước khi phê duyệt chủ đầu tư phải báo cáo Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định dự án) nhiệm vụ hoặc đề cương khảo sát thiết kế.

3. Sau khi phê duyệt, chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo thẩm định và toàn bộ các báo cáo thẩm tra về Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định dự án) không quá 07 ngày làm việc để tổng hợp theo dõi, kiểm tra.

Chương III**CÔNG TÁC ĐẤU THẦU****Điều 9. Kế hoạch đấu thầu**

1. Chủ đầu tư khi phân chia các gói thầu ngoài việc phải căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ của dự án, cần bảo đảm gói thầu có quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu trong nước, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các doanh nghiệp trong nước nhận được hợp đồng, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước.

2. Chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước hoặc nhà thầu trong nước không đáp ứng được yêu cầu của gói thầu hoặc trong nước chưa đủ khả năng sản xuất. Không tổ chức đấu thầu quốc tế gói thầu EPC (là gói thầu bao gồm toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp) đối với các dự án trong đó có nhiều phần công việc mà các nhà thầu Việt Nam có thể tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa, xây lắp.

Chủ đầu tư không được sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu thực hiện gói thầu.

3. Đối với các gói thầu có giá trị trong hạn mức được chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ, khi đề nghị chỉ định thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ được tính cấp thiết, đặc thù chuyên ngành và bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn đấu thầu rộng rãi bằng cách lượng hóa qua các yếu tố về: tiến độ, kinh tế, chất lượng và các yếu tố kinh tế - xã hội khác.

4. Trường hợp cần điều chỉnh nội dung gói thầu trong kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải tiến hành thủ tục điều chỉnh kế hoạch đấu thầu theo các quy định của pháp luật.

Điều 10. Chuẩn bị đấu thầu

1. Chủ đầu tư lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu:

a) Hồ sơ mời thầu phải bao gồm các yêu cầu quan trọng (điều kiện tiên quyết) làm căn cứ để loại bỏ hồ sơ dự thầu; hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải được đóng dấu giáp lai trước khi phát hành; hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được quy định các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia cạnh tranh của các nhà thầu; cần có hướng dẫn chi tiết cụ thể về quy cách và niêm phong hồ sơ dự thầu; quy định hồ sơ dự thầu phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục và đóng dấu giáp lai của nhà thầu hoặc nhà thầu đại diện hợp pháp giữa các trang liên kề, bản chụp hồ sơ dự thầu phải được chụp từ bản gốc hồ sơ dự thầu;

b) Trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải đưa ra yêu cầu về việc chào thầu bằng đồng Việt Nam đối với các chi phí trong nước; chỉ cho phép chào thầu bằng ngoại tệ đối với các nội dung chi phí (hàng hóa, dịch vụ) có nguồn gốc từ nước ngoài khi trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu mà nhà thầu phải nhập khẩu từ nước ngoài;

c) Trong quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư phải có chi tiết các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

2. Chủ đầu tư phải gửi quyết định phê duyệt kèm Báo cáo thẩm định (cả file hồ sơ theo Font chữ Times New Roman) về Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định) để tổng hợp theo dõi, kiểm tra sau khi phê duyệt không quá 03 ngày làm việc.

Điều 11. Tổ chức đấu thầu và hợp đồng

1. Chủ đầu tư không được tổ chức đấu thầu khi chưa có mặt bằng thi công theo tiến độ và chưa có nguồn vốn để thực hiện gói thầu.

2. Tại thời điểm tổ chức đấu thầu, chủ đầu tư phải phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định. Trường hợp dự toán gói thầu (không bao gồm dự phòng) tăng cao hơn so với giá gói thầu đã duyệt trong kế hoạch đấu thầu thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét thầu mà không phải làm thủ tục điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu đã duyệt, với điều kiện phần vượt đó nằm trong giới hạn tỷ lệ % giá trị dự phòng của hạng mục trong tổng mức đầu tư (gồm dự phòng khối lượng và dự phòng trượt giá), nếu vượt giá trị dự phòng của hạng mục, chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

3. Chủ đầu tư phải gửi biên bản mở thầu về Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định) để tổng hợp, theo dõi sau khi mở thầu không quá 01 ngày làm việc.

4. Chủ đầu tư phải gửi Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, kết quả chỉ định thầu kèm Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu về Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định) để tổng hợp, theo dõi sau khi phê duyệt không quá 03 ngày làm việc.

5. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng, điều chỉnh giá hợp đồng, điều chỉnh tiến độ hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết phải điều chỉnh thiết kế, dự toán cho phù hợp với thực tế hiện trường và giá cả thị trường, trước khi ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung, chủ đầu tư phải phê duyệt dự toán đối với khối lượng công việc phát sinh và đơn giá điều chỉnh; trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh cao hơn dự toán gói thầu cộng (+) với tỷ lệ phần trăm (%) giá trị dự phòng của hạng mục tương ứng trong tổng mức đầu tư (gồm dự phòng khối lượng và dự phòng trượt giá) thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp danh sách các nhà thầu, các đối tượng có liên quan vi phạm pháp luật về đấu thầu, về hợp đồng trong hoạt động xây dựng báo cáo Bộ theo định kỳ.

Điều 12. Kiểm tra, giải quyết kiến nghị về đấu thầu

1. Kiểm tra về đấu thầu: Đơn vị đầu mối thẩm định chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra về công tác đấu thầu của chủ đầu tư trong việc chấp hành các quy định về đấu thầu.

2. Giải quyết kiến nghị về đấu thầu:

a) Bên mời thầu và chủ đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì giải quyết kiến nghị về đấu thầu thuộc thẩm quyền;

b) Đơn vị đầu mối thẩm định chịu trách nhiệm chủ trì giải quyết kiến nghị về đấu thầu thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư.

Chương IV**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, TIẾN ĐỘ
VÀ AN TOÀN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG****Điều 13. Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng**

1. Trước khi thực hiện công việc khảo sát xây dựng, chủ đầu tư phải tổ chức lập và phê duyệt: nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định. Đối với giai đoạn lập dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện việc giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định:

a) Tổ chức lực lượng giám sát thường xuyên công tác khảo sát và quản lý hồ sơ từ khi bắt đầu khảo sát đến khi hoàn thành công việc theo quy định;

Trường hợp địa hình, địa chất phức tạp, cần phải khảo sát bổ sung so với đề cương được phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định;

b) Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng theo quy định. Sau khi nghiệm thu khảo sát xây dựng, chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ khảo sát xây dựng và tổ chức bảo quản hệ thống mốc giới địa hình; các mẫu, nồn khoan địa chất để phục vụ cho các bước tiếp theo.

Điều 14. Quản lý chất lượng thiết kế xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế xây dựng công trình, bao gồm:

a) Kết quả thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công phải được thể hiện bằng văn bản (báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt), gồm các nội dung sau: Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật với thiết kế cơ sở, sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với thiết kế bước trước; sự hợp lý của các giải pháp kết cấu công trình; sự tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; đánh giá mức độ an toàn công trình; sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ; sự tuân thủ các quy định về môi trường, về phòng cháy, chữa cháy, về phòng chống lụt bão;

b) Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ các nội dung trên để làm cơ sở cho việc thẩm định, thì kết quả báo cáo thẩm tra phải đầy đủ các nội dung yêu cầu. Chủ trì thẩm tra thiết kế và tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phải đảm bảo năng lực và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả thẩm tra;

c) Đối với việc thiết kế lựa chọn thiết bị, dây chuyền thiết bị công nghệ hoặc con giống cây giống (gọi chung là hàng hóa):

Giai đoạn thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công phải đưa ra tiêu chuẩn chất lượng cho hàng hóa, điều kiện chứng nhận chất lượng hàng hóa, hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, kiểm tra về chất lượng hàng hóa trong quá trình sử dụng;

Danh mục hàng hóa được lựa chọn ngoài việc phải phù hợp với mục tiêu của dự án, tương thích với hệ thống dây chuyền đã có (đối với dự án cải tạo, nâng cấp) còn phải đáp ứng được yêu cầu của các tiêu chuẩn, quy định hiện hành;

d) Trong thành phần hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát liên quan, quy trình bảo trì công trình, dự toán xây dựng công trình. Riêng công trình hồ chứa nước, chủ đầu tư phải lập quy trình điều tiết nước hồ chứa, quy trình vận hành cửa van các công trình trước khi tích nước hồ chứa để tổ chức vận hành điều tiết đảm bảo an toàn, hiệu quả và tập hợp trong hồ sơ bàn giao công trình.

2. Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công phù hợp với thiết kế cơ sở được duyệt. Trường hợp thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thay đổi so với thiết kế cơ sở thì thực hiện theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

Điều 15. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức quản lý toàn bộ chất lượng thi công xây dựng các hạng mục công trình từ khi thi công xây dựng đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thiệt hại do việc không tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Đơn vị quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, giám sát, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Người được cử tham gia với chủ đầu tư là người sẽ tham gia quản lý, sử dụng công trình sau này hoặc người có chuyên môn phù hợp với tính chất của dự án. Trường hợp công trình xây dựng mới, chưa có đơn vị chính thức quản lý sử dụng thì chủ đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có công trình xây dựng trên địa bàn, để UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định đơn vị quản lý sử dụng công trình và cử cán bộ tham gia quản lý, giám sát.

3. Quản lý an toàn công trình trong quá trình xây dựng:

Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng thực hiện và duy trì công tác đảm bảo an toàn công trình trong quá trình xây dựng và công trình lân cận theo các quy định hiện hành.

Hàng năm trước mùa mưa lũ, chủ đầu tư phải tổ chức lập, phê duyệt phương án phòng chống lụt bão cho công trình và tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn công trình. Kinh phí thực hiện công tác phòng chống lụt bão cho công trình thực hiện theo Điều 5 Thông tư này.

Điều 16. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình

1. Căn cứ tiến độ hoàn thành dự án, tiến độ trong hồ sơ dự thầu, biên bản thương thảo hợp đồng, kế hoạch vốn được giao, tiến độ giải phóng mặt bằng sau khi ký kết hợp đồng, chủ đầu tư phê duyệt tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục, từng gói thầu.

a) Đối với các hạng mục, gói thầu mới, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu lập ngay sau khi ký kết hợp đồng.

Đối với các hạng mục, gói thầu có thời gian thực hiện kéo dài sang các năm sau, chủ đầu tư tổ chức phê duyệt tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, khối lượng còn lại trong tháng 01 hàng năm;

b) Sau khi phê duyệt không quá 07 ngày làm việc, chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt tiến độ kèm theo các biểu tiến độ (gồm: tiến độ thi công chi tiết, tiến độ huy động nhân lực, thiết bị, vật tư) về Bộ (qua đơn vị đầu mối thẩm định) để tổng hợp theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình theo đúng tiến độ thi công chi tiết đã được phê duyệt.

Trường hợp điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 17. Bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng

1. Công trình, hạng mục công trình sau khi kết thúc xây dựng đảm bảo chất lượng phải được bàn giao cho đơn vị quản lý để sử dụng đảm bảo hiệu quả và tránh hư hỏng, xuống cấp. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng theo quy định.

2. Đơn vị quản lý sử dụng có nhiệm vụ tiếp nhận quản lý vận hành công trình đảm bảo hiệu quả. Riêng đối với các hạng mục đầu mối hồ chứa nước thủy lợi, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở và bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng và lập hồ sơ trình Bộ quyết định nghiệm thu bàn giao cho UBND cấp tỉnh (nơi có công trình trên địa bàn) quản lý theo Điều 8 Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập.

Chương V**THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN****Điều 18. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình**

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh) cho các nhà thầu theo hợp đồng và tổng hợp báo cáo người quyết định đầu tư về kết quả thực hiện và giải ngân của dự án hàng tháng.

2. Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho nhà thầu và thu hồi tạm ứng theo đúng quy định. Trường hợp khác chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 19. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Thẩm quyền quyết toán đối với các dự án do Bộ quyết định đầu tư: Bộ trưởng ủy quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

Thứ trưởng phụ trách phê duyệt quyết toán các dự án nhóm A và dự án nhóm B có tổng mức đầu tư trên 200 tỷ đồng.

Vụ trưởng Vụ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 200 tỷ đồng và dự án nhóm C do Bộ quyết định đầu tư (không bao gồm các dự án Bộ trưởng ủy quyền cho các Tổng cục trưởng phê duyệt quyết toán các dự án do các đơn vị trực thuộc Tổng cục làm chủ đầu tư).

Tổng cục trưởng các Tổng cục phê duyệt quyết toán các dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 200 tỷ đồng, dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc Tổng cục làm chủ đầu tư.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

Đối với dự án do Bộ quyết định đầu tư, Vụ Tài chính là đơn vị đầu mối thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành (có sự tham gia của các đơn vị đầu mối thẩm định và Vụ Kế hoạch) trước khi trình Bộ phê duyệt quyết toán (không bao gồm các dự án Bộ trưởng ủy quyền cho các Tổng cục trưởng phê duyệt quyết toán các dự án do các đơn vị trực thuộc Tổng cục làm chủ đầu tư).

Tổng cục trưởng các Tổng cục tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án được Bộ trưởng ủy quyền cho Tổng cục trưởng phê duyệt quyết toán hoàn thành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch

Hướng dẫn các đơn vị việc lập đề xuất các dự án đầu tư, tổng hợp chủ trương đầu tư và phân bổ vốn kế hoạch hàng năm trình Bộ trưởng phê duyệt; phối hợp với các đơn vị đầu mối thẩm định dự án trình Bộ phê duyệt dự án đầu tư (gồm lập mới và điều chỉnh dự án đầu tư); chủ trì lập báo cáo về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng và cả năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Cục Quản lý xây dựng công trình

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, gồm các công tác: lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; đấu thầu (tư vấn, xây lắp, mua sắm

hàng hóa); quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định liên quan;

b) Đầu mối thẩm định dự án, kế hoạch đấu thầu dự án; kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng công trình xây dựng; thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ trong việc nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng các dự án đầu tư xây dựng công trình được Bộ trưởng giao;

c) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án nhóm A được Bộ giao;

d) Tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý về chất lượng xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư xây dựng cơ bản; tổ chức rà soát, xây dựng, thẩm định trình Bộ công bố hoặc ban hành hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến xây dựng cơ bản áp dụng trong ngành;

e) Tổng hợp công tác đấu thầu, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình do Bộ quản lý.

3. Các Tổng cục, Cục, Vụ được Bộ giao đầu mối thẩm định quản lý chỉ đạo thực hiện dự án chịu trách nhiệm:

a) Đầu mối thẩm định dự án, kế hoạch đấu thầu dự án; kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng công trình xây dựng; thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng các dự án đầu tư xây dựng công trình được Bộ trưởng giao;

b) Chủ trì và phối hợp cùng các đơn vị thuộc Bộ tổ chức tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở khi được Bộ giao;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi chuyên ngành phụ trách; tổ chức rà soát, xây dựng, thẩm định trình Bộ công bố hoặc ban hành hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật đặc thù áp dụng trong ngành;

d) Báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện và giải ngân hàng tháng của các dự án đầu tư xây dựng công trình được Bộ trưởng giao;

đ) Báo cáo công tác đấu thầu, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định các dự án đầu tư xây dựng công trình do Bộ giao về Bộ (qua Cục quản lý xây dựng công trình để tổng hợp);

e) Tổng cục trưởng các Tổng cục tổ chức thẩm định phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành được Bộ trưởng ủy quyền.

4. Vụ Tổ chức cán bộ: chủ trì, hướng dẫn cùng các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ trình Bộ thành lập Ban chỉ đạo dự án nhóm A (nếu cần) và các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý dự án theo quy định pháp luật.

5. Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường: hướng dẫn các chủ đầu tư việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia theo quy định; chủ trì, cùng các Tổng cục, Cục, Vụ và các đơn vị thuộc Bộ trình Bộ thành lập Hội đồng khoa học, Hội đồng kỹ thuật cho các dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu cần).

Chủ trì thẩm định sự phù hợp và tính hợp lý với các quy định hiện hành về công nghệ, môi trường đối với các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị, khoa học công nghệ.

Hướng dẫn và chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Vụ Tài chính có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và công tác quyết toán các dự án hoàn thành; tổ chức thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được Bộ trưởng ủy quyền.

7. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành.

a) Thực hiện chế độ báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện và giải ngân theo tháng, quý, 6 tháng, năm theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ;

b) Thực hiện báo cáo về giám sát đánh giá đầu tư: Báo cáo tháng và báo cáo khi điều chỉnh dự án cho Bộ; Báo cáo quý, 6 tháng và năm các dự án nhóm A trở lên cho Bộ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định;

c) Báo cáo định kỳ về công tác đấu thầu; tổng hợp danh sách các nhà thầu, các đối tượng có liên quan vi phạm pháp luật về đấu thầu, về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; về chất lượng công trình xây dựng: 6 tháng, năm, kết thúc xây dựng công trình.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ bằng văn bản (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát